

Số: /PA-UBND

Hà Giang, ngày tháng năm 2022

## **PHƯƠNG ÁN**

### **Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình cuối năm 2022 trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ, quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16 tháng 7 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ, quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18 tháng 7 năm 2021 của Bộ Lao động - TBXH, hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Bộ Lao động - TBXH sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động - TBXH;

UBND tỉnh Hà Giang ban hành Phương án rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình cuối năm 2022 trên địa bàn tỉnh Hà Giang cụ thể như sau:

## **I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU CỦA CUỘC RÀ SOÁT**

### **1. Mục đích**

Tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp có mức sống trung bình cuối năm 2022 theo tiêu chí quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ, quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 trên phạm vi toàn tỉnh nhằm thu thập thông tin để xác định và lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, các thông tin về hộ nghèo, hộ cận nghèo cuối năm 2022, đồng thời xác định được hộ gia đình làm nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình, để làm căn cứ đánh giá kết quả thực hiện công tác giảm nghèo năm 2022, đồng thời thực hiện các chính sách an sinh xã hội năm 2023 đối với các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh.

### **2. Yêu cầu**

- Việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình làm nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình cuối năm 2022 phải được thực hiện từ thôn bản, tổ dân phố và trực tiếp đối với tất cả các hộ gia đình có trong danh sách rà soát,

đảm bảo công khai, minh bạch, có sự tham gia của các cấp ủy đảng, chính quyền, tổ chức đoàn thể và nhân dân trên địa bàn, theo đúng quy trình hướng dẫn của Sở Lao động - TBXH, đảm bảo xác định đúng đối tượng, không bị bỏ sót, phản ánh đúng thực trạng đời sống nhân dân địa phương;

- Kết thúc việc rà soát, từng thôn, tổ dân phố, xã, phường, thị trấn phải xác định được chính xác danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, số hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo, thông tin về hộ nghèo, hộ cận nghèo để bổ sung cơ sở dữ liệu phục vụ cho quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo; đồng thời xác định được hộ gia đình làm nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình để làm cơ sở thực hiện các chính sách trợ giúp phù hợp; xác định được tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của địa phương mình để báo cáo huyện, thành phố;

- Đối với huyện, thành phố cần xác định được chính xác kết quả giảm hộ nghèo, hộ cận nghèo, tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo của địa phương mình, đồng thời báo cáo Sở Lao động - TBXH để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Bộ Lao động - TB&XH.

## **II. NỘI DUNG RÀ SOÁT**

Trên cơ sở mục đích và yêu cầu, cuộc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình làm nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình cuối năm 2022 trên địa bàn tỉnh Hà Giang gồm những nội dung chính sau đây:

1. Khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo bảo đảm phù hợp với chuẩn nghèo theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025.

2. Xác định hộ gia đình làm nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình bằng phương pháp xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát, không tính khoản trợ cấp bảo trợ xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình.

3. Kết quả phân loại hộ theo tiêu chí về thu nhập và mức độ tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

4. Thu thập thông tin của hộ gia đình qua rà soát được xác định thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình làm nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình.

## **III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI RÀ SOÁT**

1. Đối tượng rà soát là toàn bộ các hộ dân cư đang có hộ khẩu thường trú trên địa bàn các xã, phường, thị trấn.

2. Phạm vi rà soát: Trên địa bàn toàn tỉnh Hà Giang.

## **IV. THỜI GIAN VÀ PHƯƠNG PHÁP RÀ SOÁT**

### **1. Thời gian rà soát**

- Tiến hành công tác chuẩn bị đến khi kết thúc cuộc rà soát bắt đầu từ ngày 01/9/2022 đến hết ngày 14/12/2022.

- Thời gian thu thập thông tin về đặc điểm của hộ gia đình được xác định tại thời điểm rà soát tại hộ gia đình. Các chỉ tiêu bình quân được tính thời điểm từ tháng 9 năm 2021 đến hết tháng 8 năm 2022 (12 tháng).

## **2. Phương pháp rà soát**

Thực hiện rà soát thông qua các phương pháp đánh giá, chấm điểm tài sản, thu thập thông tin đặc điểm, điều kiện sống của hộ gia đình để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo. Đối với hộ gia đình làm nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình thực hiện điều tra thu nhập bình quân đầu người/tháng của hộ rà soát.

## **V. CÁC BƯỚC TIẾN HÀNH RÀ SOÁT**

### **1. Công tác chuẩn bị rà soát (Bước 1)**

1.1. Thành lập Ban Chỉ đạo rà soát các cấp, ngành Lao động - Thương binh và Xã hội là thường trực (*Cấp tỉnh, cấp huyện thành lập Ban chỉ đạo trên cơ sở sử dụng Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG giai đoạn 2021-2025, mời thêm cơ quan Thống kê tham gia; cấp xã thành lập BCD rà soát có đầy đủ các ngành, các tổ chức đoàn thể và các thôn, tổ dân phố*).

1.2. Thành lập tổ chuyên viên giúp việc Ban chỉ đạo cấp huyện, thành phố; Tổ giúp việc ban chỉ đạo cấp xã. Nhiệm vụ của tổ giúp việc là hướng dẫn rà soát viên trong quá trình khảo sát; giám sát, đôn đốc tiến độ rà soát; báo cáo kịp thời những vấn đề phát sinh trong quá trình rà soát cho Ban chỉ đạo cùng cấp, tổng hợp kết quả rà soát và nghiệm thu phiếu rà soát của điểm được phân công phụ trách.

1.3. Tổ chức huy động lực lượng rà soát: Lực lượng rà soát viên bao gồm cán bộ cấp xã, trưởng thôn, tổ dân phố, cán bộ các đoàn thể,...

Để đảm bảo tiến độ và chất lượng cuộc rà soát, Ban chỉ đạo rà soát các huyện, thành phố cần huy động cán bộ các cơ quan, ban, ngành, tổ chức đoàn thể của huyện tăng cường chỉ đạo, hỗ trợ cấp xã theo địa bàn được phân công phụ trách. Tùy theo số lượng hộ rà soát của các xã mà bố trí lực lượng rà soát viên cho phù hợp.

*Lựa chọn rà soát viên theo các tiêu chuẩn sau:*

- Có trình độ và tinh thần trách nhiệm, nhiệt tình trong công tác.
- Có kinh nghiệm rà soát khảo sát.
- Am hiểu về đặc điểm hộ gia đình.
- Thông thuộc địa bàn rà soát.

Rà soát viên phải được tập huấn nghiệp vụ rà soát và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin thu thập tại hộ và tuân thủ phương án, quy trình hướng dẫn rà soát của Tỉnh và Huyện, Thành phố.

1.4. Xây dựng kế hoạch, kinh phí tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình trình Chủ tịch UBND huyện, thành phố.

## 1.5. Tuyên truyền

Ban chỉ đạo các cấp cần tuyên truyền, giải thích cho cán bộ chủ chốt, người dân ở thôn, tổ dân phố nơi tiến hành rà soát hiệu được:

- Chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều của Chính phủ áp dụng cho giai đoạn 2021-2025 gồm cả tiêu chí về thu nhập và mức độ thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản.

- Mục đích chính của cuộc rà soát là xác định được những hộ nghèo, cận nghèo hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo và hộ có mức sống trung bình làm nông lâm ngư nghiệp theo chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình của Chính phủ.

- Thông báo thời gian người dân tham gia cuộc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình làm nông lâm ngư nghiệp.

- Nội dung chính của cuộc rà soát là xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo căn cứ vào thực tế nhân khẩu, việc làm, tài sản, tư liệu sản xuất, điều kiện sinh hoạt của hộ gia đình. Riêng hộ có mức sống trung bình rà soát trực tiếp thu nhập của hộ.

- Sau khi rà soát, cấp xã phải lập được danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo và hộ có mức sống trung bình làm nông lâm ngư nghiệp, có sự tham gia ý kiến của người dân trong thôn, tổ dân phố.

Phương thức tuyên truyền: Bản tin truyền hình, phát thanh; hội nghị cán bộ; họp thôn, tổ dân phố; cuộc họp của các tổ chức đoàn thể; hệ thống phát thanh xã/phường, thôn/tổ dân phố, bản tin niêm yết tại địa điểm công cộng xã/phường, thôn/tổ dân phố.

\* **Lưu ý:** Đây là giải pháp nâng cao chỉ số công khai minh mạch danh sách hộ nghèo trong bộ **Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI)**; vì vậy, yêu cầu cấp ủy, chính quyền, các tổ chức đoàn thể và người dân cần quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các nội dung nêu trên cả trước, trong và sau khi hoàn thành cuộc rà soát.

## 2. Tập huấn (Bước 2)

Phòng Lao động - TBXH tổ chức tập huấn nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2022 kết hợp với việc xác định hộ gia đình làm nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình cho Tổ giúp việc ban chỉ đạo cấp huyện, các ngành được phân công phụ trách các xã, lãnh đạo và Tổ giúp việc ban chỉ đạo cấp xã, rà soát viên.

\* **Nội dung tập huấn:**

- Hướng dẫn phương pháp lập danh sách hộ cần khảo sát.

- Hướng dẫn cách ghi phiếu thu thập thông tin chung về hộ nghèo, cận nghèo (*phiếu B1, B2*); phiếu chấm điểm hộ gia đình (*phiếu B*); Xác định thu nhập của hộ gia đình làm nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình (*phụ lục VIII*).

- Hướng dẫn cách thức tổ chức họp dân thông qua kết quả rà soát.

- Hướng dẫn cách thức tổng hợp số liệu vào các biểu mẫu tổng hợp.

### **3. Lập danh sách hộ gia đình tham gia rà soát (Bước 3)**

Ban chỉ đạo cấp xã, rà soát viên phối hợp cán bộ thôn/tổ dân phố để tổ chức xác định, lập danh sách các hộ gia đình cần rà soát trên địa bàn, gồm:

- Hộ gia đình thuộc danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý tại thời điểm rà soát: Lập danh sách vào Phụ lục số I để tiến hành rà soát bằng phiếu B.

- Các hộ gia đình không nghèo: có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ gia đình làm nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình theo Mẫu số 01 - Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc xác định hộ có mức sống trung bình.

Đối với hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo: Dùng phiếu A (*Phụ lục số II*) để nhận dạng nhanh hộ gia đình không thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo, không cần rà soát Phiếu B - Kết quả ghi vào Phụ lục số I.

Đối với hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ gia đình làm nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình theo Mẫu số 01, lập danh sách vào Phụ lục IX.

Tùy điều kiện kinh tế hộ dân của từng địa phương, nếu tiến hành rà soát toàn bộ số hộ trên địa bàn bằng phiếu B, thì không cần lập danh sách nhận dạng nhanh bằng phiếu A. Lập danh sách toàn bộ số hộ cần rà soát trên địa bàn thôn, tổ dân phố theo phụ lục số I (*riêng các hộ không nghèo tại thời điểm rà soát yêu cầu có Giấy đề nghị rà soát kèm theo để lưu hồ sơ*).

### **4. Thu thập thông tin hộ gia đình (Bước 4)**

Ban chỉ đạo cấp xã phân công rà soát viên phụ trách khảo sát theo địa bàn, dự kiến thời gian khảo sát và ấn định thời gian nghiệm thu phiếu đã khảo sát. Ban chỉ đạo cấp xã phát phiếu rà soát cho các rà soát viên tổ chức rà soát. Các rà soát viên phải xem xét kỹ phiếu khảo sát để có cách hỏi, cách ghi chép vào phiếu cho đúng với thực trạng của hộ gia đình ở địa phương mình.

#### **4.1. Rà soát xác định hộ nghèo, cận nghèo**

Rà soát viên khảo sát theo phiếu B1 - Thông tin chung về hộ gia đình (Phụ lục số III.1); phiếu B - Phiếu chấm điểm hộ gia đình (*Phụ lục số III.2*) áp dụng cho khu vực thành thị hoặc khu vực nông thôn; Phiếu B2 - Thông tin hộ gia đình về các nhu cầu xã hội cơ bản (*Phụ lục số III.3*) đối với những hộ trong danh sách hộ cần khảo sát đã lập ở bước 3 (*Phụ lục số I*).

**\* Ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo như sau:**

- Về mức thu nhập bình quân đầu người (*gọi là điểm B1*): ở khu vực nông thôn, 140 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 1.500.000 đồng/người/tháng; ở khu vực thành thị, 175 điểm tương đương với mức thu nhập bình quân đầu người 2.000.000 đồng/người/tháng.

- Về mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản (*gọi là điểm B2*): 10 điểm tương đương với 01 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản.

**\* Phân loại hộ theo kết quả rà soát:**

- **Hộ nghèo:** Hộ có điểm B1  $\leq$  140 điểm và điểm B2  $\geq$  30 điểm (ở khu vực nông thôn) hoặc có điểm B1  $\leq$  175 điểm và điểm B2  $\geq$  30 điểm (ở khu vực thành thị).

- **Hộ cận nghèo:** hộ có điểm B1  $\leq$  140 điểm và điểm B2  $<$  30 điểm (ở khu vực nông thôn) hoặc có điểm B1  $\leq$  175 điểm và điểm B2  $<$  30 điểm (ở khu vực thành thị).

Hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo là hộ có điểm B1  $>$  140 điểm (ở khu vực nông thôn) và B1  $>$  175 điểm (ở khu vực thành thị).

Rà soát viên thông báo kết quả sơ bộ phân loại hộ cho gia đình biết và đề nghị gia đình ký tên vào phiếu rà soát.

Kết quả rà soát, rà soát viên tổng hợp vào Phụ lục số I.

**4.2. Xác định hộ gia đình làm nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình**

Đối với những hộ được xác định là hộ không nghèo có thành viên trong hộ làm việc trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp hoặc có thu nhập chủ yếu từ làm việc trong các lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, có Giấy đề nghị rà soát hộ gia đình làm nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình; rà soát viên thu thập thông tin và ghi Phiếu khảo sát xác định hộ làm nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình (Phụ lục VIII). Rà soát viên thông báo kết quả rà soát thu nhập bình quân đầu người/tháng của hộ gia đình qua 1 năm và phân loại hộ cho gia đình biết và ký tên vào phiếu rà soát.

**\* Chuẩn hộ có mức sống trung bình:**

- Khu vực nông thôn: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng.

- Khu vực thành thị: Là hộ gia đình có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

Kết quả rà soát, rà soát viên tổng hợp vào Phụ lục số IX - Danh sách kết quả xác định hộ làm nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình. Đây là cơ sở để làm căn cứ hỗ trợ thẻ Bảo hiểm y tế theo Nghị quyết 49/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh và thực hiện một số chính sách hỗ trợ khác.

**Lưu ý:** Đối với các xã, thị trấn khu vực II (trừ thôn đặc biệt khó khăn) có những hộ chủ hộ là người dân tộc Kinh hoặc hộ có thành viên trong hộ là người dân tộc Kinh; các xã, phường, thị trấn khu vực I (trừ thôn đặc biệt khó khăn) theo Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16/9/2021 của Ủy ban Dân tộc; các xã phần đầu đạt chuẩn nông thôn mới cuối năm 2022, cần tập trung tuyên truyền chính sách hỗ trợ thẻ Bảo hiểm y tế theo các quy định của Trung ương; đặc biệt là chính sách hỗ trợ thẻ BHYT đối với thành viên trong hộ làm nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình theo Nghị quyết 49/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh, đề người dân viết Giấy đề nghị rà soát

và triển khai rà soát, để có căn cứ lập danh sách hỗ trợ thẻ BHYT năm 2022 theo đúng Hướng dẫn số 324/HD-UBND ngày 02/02/2021 của UBND tỉnh về tổ chức thực hiện BHYT cho các đối tượng được ngân sách nhà nước đóng và hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

### **5. Họp dân thông qua kết quả rà soát (Bước 5)**

Thành phần cuộc họp: Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã, công chức được giao nhiệm vụ làm công tác giảm nghèo cấp xã, Trưởng thôn (*chủ trì họp*), Bí thư Chi bộ thôn, Chi hội trưởng các hội, Bí thư Đoàn Thanh niên thôn, rà soát viên và một số đại diện hộ gia đình qua rà soát, hộ gia đình khác; mời đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã giám sát.

Nội dung cuộc họp: Lấy ý kiến thống nhất của ít nhất 50% tổng số người tham dự cuộc họp về kết quả đánh giá, tính điểm đối với các hộ gia đình qua rà soát (*chủ yếu tập trung vào các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo*); Thu nhập bình quân đầu người/tháng của hộ được xác định là hộ có mức sống trung bình theo kết quả rà soát viên tổng hợp tại Phụ lục I và Phụ lục IX. Trường hợp ý kiến thống nhất dưới 50%, thực hiện rà soát lại theo quy định Phương án này.

Kết quả cuộc họp được lập thành 02 bộ biên bản (*theo Phụ lục số V*), có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp và đại diện của các hộ dân (*01 bản lưu ở thôn, 01 bản gửi Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã*).

### **6. Niêm yết, thông báo công khai danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình (Bước 6)**

- Niêm yết công khai kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo, hộ làm nghề nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã; thông báo qua Đài truyền thanh cấp xã (*nếu có*) trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai, trường hợp có khiếu nại của người dân, Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổ chức phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình rà soát trong thời gian không quá 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại; niêm yết công khai kết quả phúc tra tại nhà văn hóa hoặc nhà sinh hoạt cộng đồng thôn và trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã trong thời gian 03 ngày làm việc.

- Hết thời hạn niêm yết công khai và phúc tra (*nếu có*), Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo và danh sách hộ làm nghề nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình (*sau khi rà soát*).

### **7. Tổng hợp, báo cáo, xin ý kiến thẩm định của Ủy ban nhân dân cấp huyện (Bước 7)**

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo bằng văn bản, gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nghề nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn sau khi hoàn tất quy

trình niêm yết công khai (và phúc tra nếu có khiếu nại của người dân) để Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp.

- Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có ý kiến trả lời bằng văn bản.

### **8. Công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình làm nghề nông lâm ngư nghiệp trên địa bàn (Bước 8)**

Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tiếp thu ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo, hộ làm nghề nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn theo Mẫu số 02 và cấp Giấy chứng nhận cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 03;

Lập sổ theo dõi hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn theo danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo đã được phê duyệt để phục vụ cho công tác quản lý đối tượng và thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo và an sinh xã hội của Nhà nước (*Phụ lục số VI.1 và Phụ lục số VI.2*).

### **9. Báo cáo kết quả rà soát (Bước 9)**

UBND cấp xã báo cáo UBND cấp huyện kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nghề nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn sau khi Chủ tịch UBND cấp xã ban hành quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nghề nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn (*từ Phụ lục số VII.1 đến Phụ lục số VII.11*).

## **VI. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CẤP, CÁC NGÀNH**

### **1. Cấp xã**

UBND cấp xã giao Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo cấp xã trực tiếp chỉ đạo thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình làm nghề nông lâm ngư nghiệp trên địa bàn, cụ thể:

- Phổ biến tuyên truyền mục đích, yêu cầu của việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nghề nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình đến các trưởng thôn, tổ dân phố, đại diện các chi hội đoàn thể ở thôn bản và người dân; Chỉ đạo các thôn bản phối hợp thực hiện rà soát.

- Chỉ đạo trạm y tế phối hợp với các trường học trên địa bàn mở sổ theo dõi sức khỏe của trẻ em trên địa bàn quản lý (*chiều cao, cân nặng...*).

- Tổ chức lực lượng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình; thành lập tổ giúp việc; bố trí cán bộ, rà soát viên dự tập huấn nghiệp vụ rà soát; trực tiếp tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nghề nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn quản lý.

- Tổng hợp, phân loại và lập danh sách chi tiết các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nghề nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình cuối năm 2022 trên địa bàn sau khi có kết quả rà soát chính thức. Trên cơ sở kết quả rà



soát, trình Chủ tịch UBND cấp xã quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình làm nghề nông lâm ngư nghiệp trên địa bàn; báo cáo kết quả để UBND cấp huyện tổng hợp và có ý kiến thẩm định.

- Thông báo danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo, hộ làm nghề nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình cuối năm 2022 tại các cuộc họp thôn, các cuộc họp của các tổ chức đoàn thể và niêm yết tại nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, tổ dân phố.

- Lập sổ theo dõi hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn; cấp giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo làm cơ sở thực hiện các chính sách an sinh xã hội năm 2023 và xây dựng Kế hoạch giảm nghèo năm 2023; theo dõi, cập nhật bổ sung thông tin đặc điểm của hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn khi phát sinh những thay đổi.

## **2. Cấp huyện (Phòng Lao động - TB&XH)**

- Xây dựng và trình Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt Kế hoạch, kinh phí rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nghề nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình cuối năm 2022 phê duyệt để triển khai thực hiện. Thành lập tổ giúp việc Ban chỉ đạo cấp huyện; tham mưu lựa chọn lực lượng rà soát viên. Căn cứ quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ Tài chính, quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc rà soát thống kê, tổng rà soát thống kê quốc gia, xây dựng dự toán kinh phí phục vụ cuộc rà soát gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định và tham mưu trình UBND cấp huyện bố trí ngân sách phục vụ cho việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nghề nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn cuối năm 2022 từ nguồn ngân sách Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững năm 2022 và ngân sách các huyện, thành phố.

- Tham mưu chỉ đạo các cơ quan chức năng tổ chức truyền thông về cuộc rà soát.

- Tổ chức in ấn và cấp phát tài liệu, mẫu biểu, phiếu rà soát.

- Tổ chức tập huấn nghiệp vụ rà soát.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan chỉ đạo việc tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nghề nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình; Phân công các thành viên hỗ trợ, chỉ đạo rà soát tại các xã, phường, thị trấn.

- Kiểm tra và tổ chức phúc tra kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nghề nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình của cấp xã trong trường hợp thấy kết quả rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương hoặc có đơn thư khiếu nại.

- Tổng hợp báo cáo kết quả rà soát, trình Chủ tịch UBND cấp huyện phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nghề nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình trên địa bàn để báo cáo UBND cấp tỉnh.

## **3. Cấp tỉnh**

### **3.1. Sở Lao động - TB&XH**

- Xây dựng tài liệu, thống nhất mẫu biểu rà soát trên địa bàn toàn tỉnh.

- Phối hợp với các cơ quan thành viên BCD cấp tỉnh hỗ trợ tổ chức tập huấn rà soát cho thành viên Ban chỉ đạo, tổ giúp việc các huyện, thành phố; BCD, tổ giúp việc cấp xã và rà soát viên; chỉ đạo, đôn đốc và giám sát việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nghề nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình ở cơ sở theo đúng quy trình và đúng thời hạn quy định.

- Kiểm tra và tổ chức phúc tra kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nghề nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình của cấp huyện trong trường hợp thấy kết quả rà soát chưa phù hợp với tình hình thực tế của địa phương hoặc có đơn thư khiếu nại.

- Tổng hợp báo cáo kết quả rà soát; trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn; báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, công nhận.

### 3.2. Các thành viên Ban chỉ đạo tỉnh:

Chỉ đạo, đôn đốc, theo dõi, giám sát rà soát tại các huyện, thành phố; phối hợp với huyện, thành phố được phụ trách kiểm tra, phúc tra tại các huyện, thành phố nếu có nghi vấn về kết quả sơ bộ rà soát hộ nghèo, cận nghèo.

Phân công các thành viên Ban chỉ đạo các Chương trình MTQG tỉnh giai đoạn 2021-2025 phụ trách các huyện, thành phố, cụ thể:

- |                                 |                               |
|---------------------------------|-------------------------------|
| - Phụ trách huyện Mèo Vạc:      | Sở Công thương.               |
| - Phụ trách huyện Đồng Văn:     | Sở Nông nghiệp và PTTN.       |
| - Phụ trách huyện Yên Minh:     | Ngân hàng chính sách xã hội.  |
| - Phụ trách huyện Quản Bạ:      | Thống kê.                     |
| - Phụ trách huyện Xín Mần:      | Sở Tư pháp.                   |
| - Phụ trách huyện Hoàng Su Phì: | Mặt trận tổ quốc tỉnh.        |
| - Phụ trách huyện Bắc Mê:       | Ban Dân tộc.                  |
| - Phụ trách huyện Bắc Quang:    | Sở Giáo dục và Đào tạo.       |
| - Phụ trách huyện Quang Bình:   | Sở Kế hoạch - Đầu tư.         |
| - Phụ trách huyện Vị Xuyên:     | Sở Thông tin và Truyền thông. |
| - Phụ trách thành phố Hà Giang: | Sở Xây dựng.                  |

\* **Lưu ý:** Các ngành thành viên BCD tỉnh được phân công phụ trách các huyện tự túc kinh phí công tác; báo cáo kết quả công tác phụ trách về Sở Lao động - TB&XH.

3.3. Ủy ban mặt trận tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên: Hội Phụ nữ, Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên, Hội cựu chiến binh chỉ đạo các cấp hội cơ sở tham gia vào công tác rà soát hộ nghèo, thông báo danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nghề nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của hội viên; lồng ghép thông tin cuộc rà soát hộ nghèo vào các cuộc họp của hội. Giám sát tính minh bạch, công khai trong quá trình rà soát hộ nghèo.

3.4. Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, Báo Hà Giang đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về tầm quan trọng, ý nghĩa của cuộc rà soát hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025, phát huy tinh thần làm chủ, thực hiện tốt cuộc rà soát hộ nghèo cuối năm 2022.

**Lưu ý:** Tài liệu hướng dẫn và các mẫu biểu thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nghề nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình cuối năm 2022 các đơn vị tải từ trang thông tin điện tử của Sở Lao động - TBXH tỉnh Hà Giang: <http://sldtbxh.hagiang.gov.vn/>.

3.5. Đề nghị đoàn công tác theo Quyết định 575-QĐ/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo, đôn đốc, theo dõi, giám sát việc triển khai Phương án tại các huyện, thành phố được phân công phụ trách.

## **VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Về thời gian**

- Từ ngày 01/9 đến ngày 15/9/2022 chuẩn bị công tác rà soát, in ấn và cấp phát mẫu biểu, tài liệu rà soát; Huy động và lựa chọn lực lượng rà soát; truyền thông; tổ chức tập huấn rà soát.

- Ban chỉ đạo cấp xã lập danh sách hộ gia đình tham gia rà soát, phân công địa bàn rà soát, phát phiếu cho rà soát viên: Hoàn thành trước ngày 20/9/2022.

- Rà soát viên tiến hành ghi phiếu B, B1, B2 và Phiếu khảo sát xác định hộ làm nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình tại địa bàn. Hoàn thành trước ngày 20/10/2022.

- Ban chỉ đạo cấp xã tổng hợp kết quả rà soát, họp dân thống nhất kết quả rà soát; Niêm yết công khai danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nghề nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình; Tiếp tục hoàn thiện phiếu thu thập thông tin về hộ nghèo, hộ cận nghèo; Lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo Phụ lục VI.1 và VI.2). Tổng hợp báo cáo kết quả rà soát, các biểu mẫu báo cáo (theo Phụ lục số VII.1 đến VII.11) xin ý kiến thẩm định của Ủy ban nhân dân cấp huyện qua Phòng Lao động - TB&XH: Hoàn thành trước ngày **30/10/2022**.

- Ban chỉ đạo cấp huyện, thành phố thẩm định, thông báo kết quả cho cấp xã trước ngày 05/11/2022; đồng thời tổng hợp các biểu mẫu báo cáo (theo Phụ lục số VII cấp huyện), báo cáo kết quả rà soát về Ban chỉ đạo tỉnh qua Sở Lao động - TB&XH Hà Giang: Hoàn thành trước ngày **10/11/2022**.

- Chủ tịch UBND cấp huyện Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn trước ngày **15/11/2022**.

- Chủ tịch UBND cấp xã Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nghề nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình: Hoàn thành trước ngày **15/11/2022**.

- Sở Lao động - TB&XH tổng hợp kết quả rà soát báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh trước ngày **15/11/2022**; đồng thời báo cáo kết quả rà soát sơ bộ về Bộ Lao động - TB&XH.

## **2. Kinh phí thực hiện**

Kinh phí thực hiện rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ làm nghề nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình của các huyện, thành phố do ngân sách các huyện, thành phố đảm bảo trong dự toán ngân sách năm 2022 đã được UBND tỉnh giao tại Quyết định số 2596/QĐ-UBND ngày 08/12/2021 của UBND tỉnh Hà Giang và Quyết định 1188/QĐ-UBND ngày 27/7/2022.

UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm bố trí kinh phí thực hiện nhiệm vụ Rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nghề nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình cuối năm 2022 trên địa bàn (*in ấn mẫu biểu, tài liệu, phiếu rà soát; hỗ trợ cho rà soát viên ghi phiếu tại địa bàn; kinh phí hoạt động của Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo huyện, xã và Tổ giúp việc*).

Các ngành thành viên Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo cuối năm 2022 của tỉnh, các sở, ban, ngành, tổ chức đoàn thể; UBND các huyện, thành phố có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Phương án rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ làm nghề nông lâm ngư nghiệp có mức sống trung bình cuối năm 2022 đảm bảo tiến độ và chất lượng./.

### **Nơi nhận:**

- TTr. Tỉnh ủy;
- TTr. HĐND tỉnh;
- Văn phòng Quốc gia về Giảm nghèo;
- CT, Các PCT UBND tỉnh;
- Thành viên BCD các CTMTQG tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Cục Thống kê;
- Huyện ủy, UBND các huyện, thành phố;
- Đoàn công tác theo QĐ 575-QĐ/TU;
- CVP, các PVP UBND tỉnh;
- Báo Hà Giang, Đài PT-TH tỉnh (Thông tin);
- Trang thông tin điện tử của tỉnh;
- VnptiOffice;
- Lưu: VT, VHXH.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Đức Quý**